TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **96/2019/KDTM-PT**
Ngày 29/8/2019
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại, thụ lý số 10/2019/TLPT-KDTM ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/DSST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2019/QĐXX-PT ngày 10/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2019/QĐ-HPT ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H.

Địa chỉ: Số 381 đường Trường Chinh, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Cường - Chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Bùi Quang Hưng - Địa chỉ: Ô 8 tầng 4, Toà nhà D2 Giảng Võ, quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy uỷ quyền số 05/H-TBTB ngày 28/8/2019)

Bị đơn: Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ (M)

Địa chỉ: Km số 3 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Ngọc Thắng - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công Danh - Địa chỉ: P 1802, Tòa nhà A1, Vinaconex 7, Tổ dân phố số 12, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền số 74-GUQ/TBTB ngày 22/7/2019).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu Quang - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng.

Địa chỉ: K-181/5 đường Thanh Thủy, phường Thanh Bình, quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trần Thiện Thanh - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng.

Địa chỉ: Số 43 Ngô Thế Lân, phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai của Nguyên đơn - Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H (Gọi tắt là Công ty H) trình bày:

Ngày 04/4/2013, Công ty H và Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng (Gọi tắt là M tại Đà Nẵng), có ký hợp đồng mua bán hạt nhựa số B.01/H-VTĐN/13 với những nội dung cơ bản sau: Công ty H đồng ý bán khối lượng 180 tấn hạt nhựa PP BSR T3034 cho M tại Đà Nẵng, đơn giá 32.885.414 đồng/tấn tương ứng với giá tiền là 6.511.311.972 đồng. M tại Đà Nẵng đặt cọc cho Công ty H số tiền 1.242.014.400 đồng. Hợp đồng đã được các bên thực thi. Số tiền còn lại M tại Đà Nẵng phải thanh toán cho Công ty H trong vòng 60 ngày kể từ ngày Công ty H nhận nợ với ngân hàng. Từ ngày 61 trở đi M tại Đà Nẵng phải thanh toán theo lãi phạt chậm trả 150% lãi vay nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày hết thời hạn với Ngân hàng. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì sẽ phải bồi thường toàn bội những thiệt hại cho phía bên kia và bị phạt 4% trên tổng giá trị hợp đồng. Ngày 05/4/2013 Công ty H đã giao đủ cho M tại Đà Nẵng

khối lượng hàng theo thỏa thuận quy định tại hợp đồng và phát hành hóa đơn thanh toán số 020 ngày 23/4/2013. Nhưng sau khi nhận được hàng hóa và các hóa đơn GTGT của Công ty H, M tại Đà Nẵng đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng số B.01/H-VTĐN/13. Tính đến thời điểm hiện tại, M tại Đà Nẵng đã thanh toán cho Công ty H số tiền là 5.662.014.400 đồng nên còn nợ 849.297.572 đồng (có biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2015). M tại Đà Nẵng đã vi phạm nghĩa vụ cam kết tại Hợp đồng số B.01/H-VTĐN/13 và các quy định về nghĩa vụ thanh toán của người mua hàng theo Luật Thương mại và Bộ Luật Dân sự, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H, vi phạm Điều 3 của Hợp đồng về phương thức thanh toán và nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ quá hạn của hợp đồng. Vì M tại Đà Nẵng là chi nhánh của Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ (Gọi tắt là M) nên Công ty H đề nghị M phải thanh toán:

- Tiền nợ gốc là 849.297.572 đồng;

- Nợ lãi phát sinh do quá hạn thanh toán theo hợp đồng tạm tính đến 25/10/2016 là 406.524.631 đồng;

- Tiền phạt 4% do vi phạm điều 6 của hợp đồng tương ứng với số tiền là 260.452.479 đồng.

Tổng cộng: 1.516.274.681 đồng.

Bị đơn - Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ trình bày: M không ký bất kỳ hợp đồng mua bán nào với Công ty H. M cũng chưa có quan hệ trong bất cứ lĩnh vực nào với Công ty H. Với hợp đồng mua bán số B01/H-VTDN/13 ngày 04/4/2013 M không ký, biên bản đối chiếu công nợ cũng không ký. Do vậy Công ty H khởi kiện M là phi lý, sai sự thật. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng mua bán và biên bản đối chiếu công nợ để làm việc với "bên B" là M tại Đà Nẵng đã đứng tên trong hợp đồng cho đúng với quy định của pháp luật. M khẳng định không có bất kỳ trách nhiệm nào trong vụ việc khởi kiện này, Công ty H khởi kiện M là không đúng. Ngoài ra M cho rằng M có trụ sở chính tại Phạm Văn Đồng và có M tại Đà Nẵng. M tại Đà Nẵng vừa hoạt động độc lập, vừa phụ thuộc theo phân cấp và phải chịu trách nhiệm trước M và pháp luật Nhà nước. M tại Đà Nẵng có Giấy phép kinh doanh riêng, có tài khoản ngân hàng, có con dấu và mã số thuế riêng nên M tại Đà Nẵng có thể tín chấp hoặc thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng hoặc vay vốn. Còn đối với những hợp đồng mà M tại Đà Nẵng không có khả năng tự hoạt động được thì báo cáo với M có phương án kinh doanh và có văn bản báo cáo với M thì trong trường hợp đó M sẽ xem xét và có văn bản bảo lãnh hay có ủy quyền để M tại Đà Nẵng có thể hoạt động được và khi đó M mới chịu trách nhiệm. Trong trường hợp cụ thể đối với hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty H

với M tại Đà Nẵng đã không có sự ủy quyền của người đại diện theo pháp luật M. Hơn nữa việc ký kết này, M không hề biết và không thấy M tại Đà Nẵng báo cáo. Nên việc ký kết hợp đồng này M tại Đà Nẵng phải chịu trách nhiệm cá nhân. M hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Công ty H khởi kiện M là sai, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu Quang trình bày: Vào thời điểm ngày 04/4/2003, ông là Giám đốc M tại Đà Nẵng có tham gia ký kết hợp đồng mua bán hạt nhựa với Công ty H. Việc ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy chế hoạt động và điều lệ của M. Năm 2014, ông đã bàn giao toàn bộ công việc cho Giám đốc mới của M tại Đà Nẵng. Do đó, các quan hệ pháp luật phát sinh giữa các chủ thể khác với M tại Đà Nẵng cũng đã được chuyển giao cho Giám đốc mới.

- Ông Trần Thiện Thanh - Giám đốc Chi nhánh M tại Đà Nẵng trình bày: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Chi nhánh ngày 12/3/2014 nên việc ông Quang ký hợp đồng mua bán hạt nhựa với Công ty H ông không được biết và không liên quan đến hợp đồng nói trên. Việc nợ tiền hợp đồng mua bán với Công ty H là việc của ông Quang và M. Chi nhánh M tại Đà Nẵng không liên quan. Ông Quang hiện vẫn là Phó Giám đốc M tại Đà Nẵng do bận việc nên ông đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/DSST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13, Điều 45 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều 50, Điều 301 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 139, 140 , 476, Điều 401, 402, 403, 404 Bộ Luật Dân sự 2005.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Buộc M phải trả Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H số tiền nợ gốc (theo hợp đồng số B.01/H-VTĐN/13 ngày 04/4/2013) là 849.297.572 đ; Tiền nợ lãi tính đến ngày 30/5/2018 là 642.204.707 đ và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 33.971.902 đ. Tổng cộng là 1.525.424.000 đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất 10% /năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 05/11/2018 Nguyên đơn - Công ty H kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm áp dụng mức phạt hợp đồng 4% trên số tiền chậm thanh toán là không đúng đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng mức phạt hợp đồng 8% trên số tiền chậm thanh toán (849.297.572 đồng) là 67.943.806 đồng.

Ngày 01/11/2018 Bị đơn - Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại điểm h, Điều 217 - Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên toà hôm nay: Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra công khai tại phiên toà vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn và Bị đơn.

Đề nghị sửa án phí sơ thẩm với lý do: Nguyên đơn đề nghị Bị đơn phải chịu mức phạt hợp đồng là 67.943.806 đồng nhưng án sơ thẩm chấp nhận một nửa là 33.971.902 đồng song không buộc Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng. Sau khi đã được thẩm tra công

khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H và Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ có trụ sở tại Km số 3 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn phát sinh từ Hợp đồng mua bán hạt nhựa số B.01/H-VTĐN/13 ngày 04/4/2013 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng quy định của pháp luật.

- Về người tham gia tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu Quang khi thực hiện ký kết hợp đồng mua bán hạt nhựa với Công ty H là Giám đốc Chi nhánh M tại Đà Nẵng đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty M được quy định tại Điều 10 Điều lệ Công ty M và theo Điều 45 Luật Doanh nghiệp nên xác định ông Nguyễn Hữu Quang và ông Trần Thiện Thanh đại diện Chi nhánh M tại Đà Nẵng là những người làm chứng. Án sơ thẩm xác định ông Nguyễn Hữu Quang và Chi nhánh M tại Đà Nẵng là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng theo Điều 68 Bộ Luật Tố tụng Dân sự nên sửa lại tư cách tham gia tố tụng của ông Quang và Chi nhánh M tại Đà Nẵng.

[2]. Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của Nguyên đơn và Bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 04/4/2013 Công ty H và Chi nhánh M tại Đà Nẵng đã ký Hợp đồng mua bán hạt nhựa BSR T3034 số B.01/H-VTĐN/13 với tổng giá trị của hợp đồng là 6.511.311.972 đồng đã được hai bên xác nhận là đúng thực tế khách quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã cung cấp hạt nhựa cho M tại Đà Nẵng vào ngày 05/4/2013 với tổng giá trị là 6.511.311.972 đồng. M tại Đà Nẵng đã thanh toán cho Công ty H với số tiền là 5.662.014.400 đồng. Số tiền còn thiếu là 849.297.572 đồng.

Án sơ thẩm căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2015 giữa Chi nhánh M tại Đà Nẵng với Công ty H xác nhận số tiền 849.297.572 đồng mà Chi nhánh M tại Đà Nẵng chưa thanh toán cho Công ty H là có căn cứ.

Đối với lãi chậm thanh toán: Căn cứ Hợp đồng mua bán hạt nhựa mà các bên đã thoả thuận tại Điều 3 "Lãi phạt chậm trả là 150% lãi suất vay nhưng không quá 5 ngày kể từ ngày hết hạn với ngân hàng". Án sơ thẩm chưa xác định được ngày M tại Đà Nẵng vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà chỉ tính đến ngày 30/5/2018 với số tiền lãi 642.204.707 đồng với lãi suất 13,5% là chưa chính xác. Tại cấp phúc thẩm Nguyên đơn đã cung cấp thông báo nhận nợ của Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt là ngày 07/5/2013 và căn cứ Điều 3 của hợp đồng số tiền phạt chậm trả được tính từ ngày thứ 61 nên lãi phạt chậm trả được tính từ ngày 08/7/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 22/10/2018) là 735.231.938 đồng. Tuy nhiên nội dung này bên Nguyên đơn không kháng cáo và có lợi cho Bị đơn nên giữ nguyên quyết định này của án sơ thẩm.

Đối với phạt hợp đồng: Tại Điều 6 của Hợp đồng các bên có thoả thuận về mức phạt 4% trên tổng giá trị hợp đồng là không đúng quy định tại Điều 301 Luật Thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Nguyên đơn yêu cầu mức phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm nhưng án sơ thẩm áp dụng 4% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là không đúng nên chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn và sửa lại phần này của án sơ thẩm. Buộc Bị đơn phải chịu tiền phạt là 8% x 849.297.572 đồng = 67.943.806 đồng.

Tại phiên toà hôm nay Bị đơn xuất trình bản sao biên bản giao nhận hàng hoá không ghi ngày, tháng và xác định không có việc mua bán hạt nhựa giữa Công ty H với Chi nhánh M tại Đà Nẵng ngoài ra Bị đơn không xuất trình thêm chứng cứ nào khác. Căn cứ vào hợp đồng mua bán số B.01/H-VTĐN/13 ngày 04/04/2013 được ký kết giữa Công ty H với Chi nhánh M tại Đà Nẵng và quá trình thanh toán của M tại Đà Nẵng cũng như Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2015 mà M tại Đà Nẵng đã xác nhận số tiền 849.297.572 đồng chưa thanh toán cho Công ty H nên lời trình bày của Bị đơn là không có cơ sở.

Từ nhận định trên nên chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bị đơn và chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát.

[3]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Nguyên đơn và Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 50, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 13, Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

- Điều 139, Điều 140, Điều 401, Điều 402, Điều 403, Điều 404, Điều 476 Bộ Luật Dân sự 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2018/DSST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H đối với Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ.

2. Buộc Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ phải trả Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H:

- Nợ gốc: 849.297.572 đồng;

- Tiền nợ lãi do chậm thanh toán: 642.204.707 đồng;

- Tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 67.943.806 đồng.

Tổng cộng là: 1.559.446.085 đồng.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần vật tư và thiết bị toàn bộ phải chịu tiền án phí vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.783.382 đồng được trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo Biên lai thu tiền số 6382 ngày 01/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội nên còn phải nộp 56.783.382 đồng.

- Hoàn trả Công ty cổ phần dịch vụ và kỹ thuật tổng hợp H 18.700.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí (đã nộp) theo các Biên lai thu tiền số 5173 ngày 23/2/2017 và 0396 ngày 12/ 11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn xin thi hành án đối với các khoản tiền trên nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/8/2019.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi Cục THADS Quận Bắc Từ Liêm, T/p Hà Nội;
- TAND Quận Bắc Từ Liêm, T/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn